

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104298

Mã lớp học phần: 25211MH110429801 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc Dung	29/01/2000	C26KT		7,8	Bảy, tám	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006	C26KT		7,2	Bảy, hai	
3	2410110004	Bạch Văn Hai	22/12/1996	C26KT		8,0	Tám	
4	2410110001	Fa Ti Hách	16/08/2001	C26KT		7,6	Bảy, sáu	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	09/08/2004	C26KT		7,6	Bảy, sáu	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc Hân	30/04/2006	C26KT		8,0	Tám	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh Hoàng	01/05/2006	C26KT		6,9	Sáu, chín	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006	C26KT		6,8	Sáu, tám	
9	2410010014	Võ Phi Long	25/05/2005	C26KT		6,3	Sáu, ba	
10	2410110022	Trần Thảo Ly	23/08/2006	C26KT		6,2	Sáu, hai	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo My	22/06/2006	C26KT		6,0	Sáu	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12/02/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
13	2410110024	Đấy Minh Như	13/07/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh Như	18/09/2006	C26KT		6,6	Sáu, sáu	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều Oanh	06/03/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quyên	24/12/2006	C26KT		7,8	Bảy, tám	
17	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006	C26KT		7,6	Bảy, sáu	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006	C26KT		7,7	Bảy, bảy	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006	C26KT		7,2	Bảy, hai	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thùy Tiên	28/10/2006	C26KT		6,6	Sáu, sáu	
22	2410110020	Lê Đăng Tiến	23/02/2003	C26KT		6,0	Sáu	
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006	C26KT		8,0	Tám	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004	C26KT		6,5	Sáu, năm	
25	2410110015	Trần Lê Anh Triết	03/02/2006	C26KT		6,5	Sáu, năm	
26	2410110003	Lê Duy Trinh	24/07/2005	C26KT		7,7	Bảy, bảy	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>trúc</i>	6,7	Sau, bảy	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>Luyen</i>	7,8	Bảy, tám	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>Uyen</i>	8,5	Sáu, năm	
30	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>Vi</i>	6,5	Sáu, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 30 vắng thi: 0 . Số bài thi: 30 / 30 .

Ngày 14 tháng 01 năm 2026.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa
Trần Thị Hoa

Trần Thị Huyền
Trần Thị Huyền

TRƯỜNG
PHÒNG
VÀ BẢO

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104298

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110429801 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000	C26KT		8,3	Tám, ba	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT		7,8	Bảy, tám	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996	C26KT		8,5	Tám, năm	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/08/2001	C26KT		7,9	Bảy, chín	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004	C26KT		7,9	Bảy, chín	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006	C26KT		8,5	Tám, năm	
7	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006	C26KT		7,0	Bảy	
8	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT		7,0	Bảy	
9	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005	C26KT		6,7	Sáu, bảy	
10	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006	C26KT		6,7	Sáu, bảy	
11	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/06/2006	C26KT		6,0	Sáu	
12	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006	C26KT		7,0	Bảy	
13	2410110024	Đấy Minh	Như	13/07/2006	C26KT		7,0	Bảy	
14	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006	C26KT		7,0	Bảy	
15	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006	C26KT		7,0	Bảy	
16	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quyên	24/12/2006	C26KT		8,0	Tám	
17	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006	C26KT		7,9	Bảy, chín	
18	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT		7,0	Bảy	
19	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006	C26KT		8,0	Tám	
20	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006	C26KT		7,9	Bảy, chín	
21	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006	C26KT		7,0	Bảy	
22	2410110020	Lê Đăng	Tiến	23/02/2003	C26KT				
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006	C26KT		8,5	Tám, năm	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004	C26KT		7,0	Bảy	
25	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006	C26KT		7,0	Bảy	
26	2410110003	Lê Duy	Trinh	24/07/2005	C26KT		7,6	Bảy, sáu	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006	C26KT	<i>trúc</i>	7,4	Bảy, bốn	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006	C26KT	<i>Louyen</i>	7,8	Bảy, tám	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006	C26KT	<i>Uyen</i>	7,0	Bảy	
30	2410110013	Võ Triều	Vi	06/10/2004	C26KT	<i>Vi</i>	7,0	Bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 29 vắng thi: 01 . Số bài thi: 29 / 30 .

Ngày 28 tháng 4 năm 2026.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phi Hoa
Trần Phi Hoa.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Tài Nguyên
Trần Tài Nguyên



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104298

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110429801 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210110059	Khương Nhật Hiếu	11/05/2001	C24KT2		6,3	Sáu, ba	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 Số bài thi: 01 / 01.Ngày 14 tháng 01 năm 2026Ngày 13 tháng 01 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền
Trần Thị Tuyền

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104298

Mã lớp học phần: 25211MH110429801 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210110059	Khương Nhật Hiếu	11/05/2001	C24KT2		6,7	Sáu, bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 Số bài thi: 01 / 01.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026.

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Huyền

Ngày 27 tháng 01 năm 2026.

GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104298

Giám thị 1: Trần Thị Tuyền

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25211MH110429801

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Nguyễn Văn Trinh

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 03/04/2026

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410110006	Cao Thị Ngọc	Dung	29/01/2000			5,6	Năm, sáu	C26KT	
2	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	✓	✓	✓		C26KT	
3	2410110004	Bạch Văn	Hai	22/12/1996			7,0	Bảy, không	C26KT	
4	2410110001	Fa Ti	Hách	16/08/2001			7,3	Bảy, ba	C26KT	
5	2410110016	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	09/08/2004			4,4	Bốn, bốn	C26KT	
6	2410110019	Phan Thị Ngọc	Hân	30/04/2006			6,4	Sáu, bốn	C26KT	
7	2210110059	Khuong Nhất	Hiếu	11/05/2001			3,6	Ba, sáu	C24KT2	
8	2410110025	Nguyễn Phụng Minh	Hoàng	01/05/2006			3,0	Ba, không	C26KT	
9	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006			5,0	Năm, không	C26KT	
10	2410010014	Võ Phi	Long	25/05/2005			3,9	Ba, chín	C26KT	
11	2410110022	Trần Thảo	Ly	23/08/2006			3,4	Ba, bốn	C26KT	
12	2410110005	Vũ Ngọc Thảo	My	22/06/2006			1,0	Một, không	C26KT	
13	2410120019	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	12/02/2006			3,0	Ba, không	C26KT	
14	2410110024	Đấy Minh	Như	13/07/2006			2,5	Hai, năm	C26KT	
15	2410110027	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	18/09/2006			1,0	Một, không	C26KT	
16	2410110023	Nguyễn Võ Kiều	Oanh	06/03/2006			2,0	Hai, không	C26KT	
17	2410120015	Trần Huỳnh Kim	Quyên	24/12/2006			5,4	Năm, bốn	C26KT	
18	2410110014	Lê Thị Diễm	Sương	21/05/2006			5,5	Năm, năm	C26KT	
19	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006			4,0	Bốn, không	C26KT	
20	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/10/2006			6,4	Sáu, bốn	C26KT	
21	2410110011	Nguyễn Thị Minh	Thư	21/06/2006			4,0	Bốn, không	C26KT	
22	2410110018	Bùi Ngọc Thủy	Tiên	28/10/2006			3,0	Ba, không	C26KT	
23	2410110009	Huỳnh Thị Bích	Trâm	11/06/2006			7,2	Bảy, hai	C26KT	
24	2410110021	Trần Thị Ngọc	Trâm	30/04/2004			2,1	Hai, một	C26KT	
25	2410110015	Trần Lê Anh	Triết	03/02/2006			2,9	Hai, chín	C26KT	
26	2410110003	Lê Duy	Trinh	24/07/2005			4,5	Bốn, năm	C26KT	
27	2410110028	Nguyễn Thị Minh	Trúc	04/01/2006			3,2	Ba, hai	C26KT	
28	2410110010	Lê Thị Bích	Tuyền	28/03/2006			5,6	Năm, sáu	C26KT	
29	2410110008	Nguyễn Diệp Tú	Uyên	01/12/2006			4,1	Bốn, một	C26KT	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
30	2410110013	Võ Triều Vi	06/10/2004			2,9	Hài, đúng	C26KT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 29 vắng thi: 01. Số bài thi/Số tờ: 29 /.

Số sinh viên đạt: 15 Tỷ lệ đạt: 51,7%

Ngày: 6 tháng 4 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Hoa

Ngày: 05 tháng 4 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Huyền

